

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TMT22B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02072** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục Chính trị**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254801022205	Lâm Triệu An	08/09/2007				6	5.0	9.3			5.8		6.2
2	2254801022206	Đinh Thành Hải Âu	07/06/2000				7	6.5	8.0			5.5		6.2
3	2254801022207	Dương Gia Bảo	23/10/2007				9	7.5	7.3			5.0		6.1
4	2254801022209	Trần Ngô Bảo	28/08/2007				8	7.3	8.0			2.0		4.3
5	2254801022210	Trịnh Gia Bảo	28/12/2007				8	8.3	9.5			4.5		6.2
6	2254801022212	Nguyễn Chí Dương	16/09/2007				8.5	8.0	5.0			5.3		5.9
7	2254801022214	Nguyễn Thành Đạt	03/12/2007				7	7.0	6.3			5.0		5.7
8	2254801022215	Trần Vinh Hiễn	30/11/2007				5	8.3	8.3			5.5		6.4
9	2254801022216	Trần Thanh Hiếu	25/11/2007				9	8.5	8.0			4.5		6.1
10	2254801022217	Lê Đại Hỷ	27/05/2007				9	8.8	8.8			4.3		6.1
11	2254801022218	Huỳnh Vĩ Khang	24/02/2007				8	5.0	2.0			4.5		4.5
12	2254801022219	Trần Hoàng Khang	14/10/2007				8	4.3	6.8			6.3		6.2
13	2254801022220	Nguyễn Minh Khôi	23/09/2007				8	8.3	8.8			5.8		6.9
14	2254801022221	Đặng Quốc Kiệt	23/10/2007				5	5.0	7.0			5.0		5.3
15	2254801022222	Lê Nguyễn Hoài Minh	10/05/2007				9	7.5	7.8			5.5		6.5
16	2254801022223	Lâm Hữu Nghĩa	25/12/2007				9	7.3	7.0			6.3		6.8
17	2254801022224	Nguyễn Trường Phát	02/06/2007				9	8.0	8.5			3.5		5.5
18	2254801022227	Đỗ Trọng Minh Tâm	01/08/2007				9	7.0	8.3			5.8		6.6
19	2254801022228	Trần Huy Thái	01/05/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
20	2254801022229	Liều Thị Anh Thư	13/11/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
21	2254801022230	Âu Bảo Toàn	30/05/2007				8	4.5	7.5			7.0		6.8
22	2254801022231	Trần Minh Triết	29/08/2007				8	8.8	8.0			7.3		7.7
23	2254801022232	Trịnh Tuấn Vũ	12/09/2007				9	7.8	9.0			5.8		6.9

Châu Đốc, ngày 23 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Văn Sầm